TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 17 - 4 - 2025.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lư Văn Sĩ.

2. Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:* Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A, B, H, Đài Loan (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh Bùi D tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang. Sau khi

kết hôn chị trở về Đài Loan sinh sống, anh Bùi D vẫn sinh sống tại Việt Nam, do hai bên không thường xuyên liên lạc với nhau nên tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Bùi D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có.

Bị đơn anh Bùi D trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do hôn nhân không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Bùi D. Riêng về con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị H đang sinh sống tại Đài Loan có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Bùi D có địa chỉ tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, chị H và anh Bùi D đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Bùi D có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh Bùi D đều thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc và đã đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Bùi D đều khai không có nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Bùi D.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị H phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Phiếu thu số PT2024/006 ngày 02 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị H được nhận lại 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Anh Bùi D phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Đình Nghệ